

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**
Bản án số: 73 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga
2. Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm: 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện N, tỉnh N

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 - 4 - 2022, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn, không tổ chức đám cưới nhưng việc chung sống trên tinh thần tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Thời gian đầu cuộc sống bà V và ông T rất hòa thuận hạnh phúc, nhưng những năm về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên rượu chè, không

chăm lo cho gia đình, vợ con. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng hòa giải, hàn gắn và nhờ hai gia đình can thiệp nhưng vẫn không thành. Nay, bà V yêu cầu Tòa án không công nhận bà V và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Minh D, sinh ngày: 24/9/2010. Cháu D hiện nay sống cùng bà V. Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn Ông Đỗ Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị V chung sống với nhau vào năm 2009, không đăng ký kết hôn, không tổ chức đám cưới nhưng việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Thời gian đầu cuộc sống ông T và bà V rất hạnh phúc, nhưng từ năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T và bà V bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng hòa giải, hàn gắn và nhờ hai gia đình can thiệp nhưng vẫn không thành. Từ năm 2012 ông T và bà V sống ly thân nhau, không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Bà V yêu cầu Tòa án không công nhận bà V và ông T là vợ chồng thì ông T đồng ý với yêu cầu của bà V.

- Về con chung: Ông T và bà V có 01 con chung là Đỗ Minh D, sinh ngày 24/9/2010. Hiện nay bà V là người trực tiếp nuôi con. Ông T đồng ý giao con chung cho bà V nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Bà Trần Thị V, ông Trần Văn Thái tuân thủ các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bà V và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà V và ông T.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T không phải là vợ chồng. Về con chung, giao con chung là Đỗ Minh D, sinh ngày: 24/9/2010 cho bà Trần Thị V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị V, Ông Đỗ Văn T chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định được quan hệ pháp luật là ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung; bị đơn cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2009, không tổ chức đám cưới, không đăng lý kết hôn tại chính quyền địa phương. Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn do đó “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà V và ông T đều xác định là không còn tình cảm và không có cơ hội hàn gắn. Do đó, để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

- Về con chung: Bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Minh D, sinh ngày: 24/9/2010. Bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định và theo nguyện vọng của cháu D muốn sống cùng bà V. Do vậy cần giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi

dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị V phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng.

Ông Đỗ Văn T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 14, 51, 53, 54, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V. Không công nhận bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Bà Trần Thị V và Ông Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Minh D, sinh ngày: 24/9/2010. Giao con chung cho bà Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Trần Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00010967 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y. Bà V đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Bành Thị Thu Hà